

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La, thành phố Tuyên Quang

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung tại: Điều 28 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 140 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; khoản 2 Điều 39 và điểm b khoản 3 Điều 39 Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Khoản 6 Điều 75 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 01/2021/TT/BXD ngày 19/05/2021 Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xác định các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao bổ sung danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc điều chỉnh giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 vốn ngân sách nhà nước, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/2.000 (phân khu) phường Ý La, thành phố Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2004/TTr-SXD ngày 14/8/2024 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La, thành phố Tuyên Quang.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La, thành phố Tuyên Quang, nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La.

**2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch:** Sở Xây dựng Tuyên Quang.

**3. Địa điểm lập quy hoạch:** Phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

**4. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch chi tiết:**

**4.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:**

Địa điểm thực hiện quy hoạch chi tiết khu nhà ở và dịch vụ thương mại Ý La có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp khu dân cư hiện hữu và Khu dịch vụ thương mại (*chợ*) và dân cư Ý La (*đang triển khai dự án*);

+ Phía Nam: Giáp khu đất nông nghiệp, đường bê tông nội đồng;

+ Phía Đông: Giáp khu đất nông nghiệp (*quy hoạch khu đô thị Luxury Park Views - đã được phê duyệt quy hoạch Chi tiết*);

+ Phía Tây: Giáp khu dân cư hiện hữu.

**4.2. Quy mô lập quy hoạch:**

- Quy mô lập đồ án Quy hoạch chi tiết: Khoảng 15 ha.

- Quy mô dân số: Khoảng 2.000 người.

**5. Tính chất khu vực lập quy hoạch.**

Là khu nhà ở mới và dịch vụ thương mại được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở và nhà ở xã hội; đảm bảo phù hợp với chiến lược và cấu trúc phát triển chung của toàn khu, đảm bảo khớp nối về mặt tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật giữa khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển thành phố Tuyên Quang theo hướng bền vững, đô thị xanh, đô thị thông minh (*định hướng đô thị loại I*).

**6. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.**

Các chỉ tiêu cho khu đất được xác định cụ thể trong khi nghiên cứu lập quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực và phù hợp Quy chuẩn xây dựng Việt Nam như QCVN 01/2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu sử dụng đất</b>		
<b>1.1</b>	<b>Đất khu ở</b>		
	Đất ở	m <sup>2</sup> /người	≥15-28
	Trường mầm non	m <sup>2</sup> /cháu	≥12
	Đất y tế	m <sup>2</sup> /công trình	≥500
	Sân chơi, sân luyện tập	m <sup>2</sup> /người	≥1,0
	Trung tâm văn hóa thể thao	m <sup>2</sup> /công trình	≥5000
	Thương mại	m <sup>2</sup> /công trình	≥2000
	Đất cây xanh	m <sup>2</sup> /người	≥1
<b>1.2</b>	<b>Mật độ xây dựng</b>		
	Lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ	%	40-100
	Công trình dịch vụ - công cộng	%	≤ 40
	Đất thương mại dịch vụ và đất hỗn hợp cao tầng.	%	40-80
<b>II</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>		
<b>2.1</b>	<b>Giao thông</b>		
	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥21
	Đất bãi đỗ xe	m <sup>2</sup> /người	≥2,5
<b>2.2</b>	<b>Cấp nước</b>		
	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	L/ng.ngđ	≥125
	Tỷ lệ cấp nước	%	100
	Cấp nước CC-TM-DV	L/m <sup>2</sup> sàn	≥2
	Cấp nước trường học (trường mầm non)	L/cháu.ngđ	≥75
	Nước tưới công viên, vườn hoa	L/m <sup>2</sup> /ngđ	3
	Nước rửa đường	L/m <sup>2</sup> /ngđ	0,4
	Cấp nước phòng cháy chữa cháy	L/s/1 đám cháy	≥10
<b>2.3</b>	<b>Cấp điện</b>		
	Cấp điện sinh hoạt (phụ tải)	W/người	300-450
	Cấp điện công cộng, DVTM	W/m <sup>2</sup> sàn	30
	Cấp điện trường học, nhà trẻ	kW/học sinh/cháu	0,2
	Điện công trình công cộng, dịch vụ (theo %)	% phụ tải điện sinh hoạt	40
	Cấp điện y tế	kW/giường bệnh	1,5
	Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m <sup>2</sup>	0,5
	Chiếu sáng đường phố	W/m <sup>2</sup>	1
<b>2.4</b>	<b>Thông tin liên lạc</b>		
	Thuê bao sinh hoạt	thuê bao/hộ	1
<b>2.5</b>	<b>Thoát nước thải</b>		
	Nước thải sinh hoạt	% nước cấp	≥80
<b>2.6</b>	<b>Vệ sinh môi trường</b>		
	Tiêu chuẩn CTRsh	kg/người/ngày	1,3
	Chỉ tiêu thu gom	%	100

## **7. Các yêu cầu đối với nội dung quy hoạch:**

### **7.1. Nguyên tắc lập quy hoạch:**

Đối với khu vực phát triển, hình thành khu ở, dịch vụ thương mại,... bảo đảm nguyên tắc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, tận dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng hiện có, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa khu vực phát triển mới và đô thị hiện có; bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện về hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và gìn giữ bản sắc của các khu vực.

Không gian quy hoạch kiến trúc phải đạt được các yêu cầu về tổ chức không gian, đảm bảo môi trường sống và làm việc đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn theo định hướng chung của khu vực. Cơ cấu sử dụng đất hợp lý, thuận lợi cho việc phân chia giai đoạn đầu tư xây dựng.

Các tuyến đường phố mở mới phải được quy hoạch, thiết kế các công trình đồng bộ với quy hoạch phân khu 1/2000 và các dự án liên kề, nhằm đảm bảo mỹ quan chung trên toàn tuyến; thiết kế đô thị phải tính toán đến hiện trạng hình dạng các lô đất không đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan và an toàn trong xây dựng để điều chỉnh, hợp khối.

### **7.2. Dự báo phát triển:**

Xác định quy mô dân số, tính chất, chức năng sử dụng đất theo quy hoạch và các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, chỉ giới xây dựng công trình và trên các trục đường từ cấp nội bộ.

Xác định khu vực nhà ở xã hội (*theo quy định*).

Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính về quy mô, dân số, đất đai, công trình xây dựng và công trình hạ tầng kỹ thuật.

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, chỉ tiêu hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

### **7.3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:**

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ theo quy hoạch phân khu 1/2000 và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan.

### **7.4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

Yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc khi thực hiện nghiên cứu lập đồ án quy hoạch chi tiết:

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, bố trí hệ thống cây xanh – mặt nước (*nếu có*) và các công trình thể thao, văn hóa, giáo dục,... hạ tầng kỹ thuật, tiện ích đô thị đảm bảo về quy mô, chỉ tiêu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

phù hợp tại các khu vực không gian chuyển tiếp, các “vùng đệm” giữa khu dân cư hiện có với khu phát triển mới:

- Nghiên cứu kỹ quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang, quy hoạch phân khu 1/2000 phường Ý La và các quy hoạch khác có liên quan (*cụ thể: Khu dịch vụ thương mại (chợ) và dân cư Ý La - đang triển khai dự án; Khu đô thị Luxury Park Views - đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, ...*); hiện nay UBND thành phố đang triển khai thực hiện điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị thành phố Tuyên Quang theo Văn bản số 1415/UBND-DTXD ngày 10/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cần lưu ý để thống nhất, từ đó đề xuất các chức năng đất khu vực lập quy hoạch phù hợp với quy hoạch cấp trên, phù hợp với việc đấu nối với các dự án khu vực lân cận. Lưu ý: Nghiên cứu phương án quy hoạch phân ranh giới giáp ranh với các dự án đã và đang được triển khai thực hiện (*có liên quan*) đảm bảo việc không chồng lấn ranh giới, có tính kết nối hài hòa, hợp lý về không gian kiến trúc, cảnh quan,.... hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định các phân vùng với các ý tưởng không gian chủ đạo, để đưa ra các nguyên tắc về tổ chức hình thái không gian kiến trúc nhằm tạo lập các liên kết hình ảnh, các hiệu quả thẩm mỹ và đặc trưng kiến trúc của từng khu vực, góp phần tạo nên hình ảnh kiến trúc hiện đại theo một tổng thể kiến trúc chung của khu vực.

- Cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan trong khu vực nghiên cứu, làm cơ sở cho công tác nghiên cứu thiết kế đô thị. Tổ chức các công trình điểm nhấn, trọng tâm của khu vực quy hoạch; quy định về cốt xây dựng, tầng cao xây dựng, khoảng lùi - chỉ giới xây dựng trên từng tuyến đường. Nghiên cứu hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo cho các công trình. Xác định hệ thống cây xanh, mặt nước (*nếu có*), cao độ đường, vỉa hè, nền công trình, chiều cao không chế công trình, giải pháp tổ chức hệ thống các công trình ngầm trong khu vực.

- Quy định quản lý tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan gắn với khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình dự án trên địa bàn lập quy hoạch.

\* Thiết kế đô thị: Yêu cầu đảm bảo theo Thông tư số 06/2013/TT - BXD ngày 13/05/2013; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

### **7.5. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:**

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị được bố trí đến mạng lưới đường cấp nội bộ, khảo sát, đánh giá hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư xây dựng để có cơ sở điều chỉnh, khớp nối cho phù hợp. Cụ thể bao gồm các nội dung sau:

- Quy hoạch cốt xây dựng đối với từng lô đất, phù hợp với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu chung của khu vực (*Khu vực lập quy hoạch hiện có địa hình tương đối bằng phẳng, tuy nhiên hiện trạng là vùng canh tác lúa và hoa màu tương đối trũng, cần nghiên cứu cốt quy hoạch đảm bảo việc tiêu thoát nước tránh ngập úng và không ảnh hưởng tới các khu vực hiện hữu xung quanh,...* ).

- Xác định mạng lưới giao thông (*kể cả đường đi bộ nếu có*), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng.

- Xác định mạng lưới giao thông hiện có làm cơ sở nâng cấp, cải tạo, mở rộng các tuyến đường hiện hữu.

- Vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (*trên cao và ngầm nếu có*) để đảm bảo phục vụ nhu cầu giao thông của khu vực; chú trọng phát triển đường đi xe đạp và đi bộ thuận lợi, hấp dẫn, gắn với các không gian và chức năng đa dạng kiến tạo môi trường đô thị văn minh, đô thị xanh, bền vững.

- Việc thiết kế nút giao tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng thông hành và an toàn giao thông khi dự án được đưa vào khai thác sử dụng.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình cấp nước, trạm bơm nước; mạng lưới cấp nước đến mạng ống cấp III (ống dịch vụ), họng cứu hỏa,... và các thông số kỹ thuật chi tiết; kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định nhu cầu cung cấp năng lượng và chiếu sáng, hạ tầng viễn thông thụ động: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện; vị trí, quy mô các trạm biến áp (*nếu có*); mạng lưới đường dây điện cao thế, trung thế, hạ thế và chiếu sáng của khu vực. Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc đến tử cấp thuê bao, kết nối đồng bộ giữa khu dân cư mở mới và dân cư hiện trạng.

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải. Các điểm tập trung chất thải rắn, điểm trung chuyển chất thải rắn (*đảm bảo bán kính phục vụ theo quy định*).

### **7.6. Các giải pháp bảo vệ môi trường:**

Nội dung đề án đảm bảo yêu cầu nghiên cứu về đánh giá môi trường chiến lược, cụ thể:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường.

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

### **7.7. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:**

Nghiên cứu cụ thể khi triển khai đề án quy hoạch chi tiết về nội dung đề xuất các giải pháp bố trí Tuynel, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thống

cáp điện, thông tin liên lạc, các công trình có hạng mục tầng ngầm (nếu có).

### **8. Dự kiến các hạng mục cơ bản trong dự án:**

Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và được xem xét, xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập quy hoạch để phù hợp điều kiện đất đai, dân số và các dự án liên quan. Một số chức năng dự kiến sẽ triển khai đầu tư xây dựng như sau:

- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới (Nhà liền kề, biệt thự,...), đất nhà ở xã hội.
- Đất hỗn hợp.
- Đất công trình dịch vụ - công cộng.
- + Đất thương mại dịch vụ;
- + Đất giáo dục (trường mầm non).
- + Đất y tế.
- + Đất văn hóa thể dục, thể thao.
- Đất cây xanh.
- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật (*giao thông, bãi đỗ xe, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...*).

\* Xác định quỹ đất nhà ở xã hội theo quy định.

### **9. Danh mục hồ sơ đồ án:**

Hồ sơ sản phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

**10. Nguồn vốn thực hiện:** Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **11. Thời gian thực hiện:**

Thời gian lập đồ án: Không quá 06 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thời gian lập quy hoạch không bao gồm thời gian trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện thành phố Tuyên Quang và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Ý La, thành phố Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành./.

***Nơi nhận:***

- Thường trực Tỉnh ủy; (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (b/c)
- Chủ tịch UBND; (b/c)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Các phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT. (ĐT.XD - H)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**